

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG
CHẤT LƯỢNG CAO

Mã ngành: 7310101

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2021

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Số: 855/QĐ-ĐHKTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ/TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông báo 136/TB-ĐHKTL ngày 28 tháng 6 năm 2021 về kết luận các nội dung thống nhất điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ đại học năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật ngày 25 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

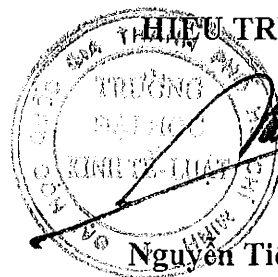
Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ đại học (chương trình đào tạo đính kèm).

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

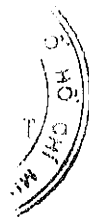
Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO RÀ SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-ĐHKTL ngày 20/9/2021 của Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT		Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
Đại trà				
1	401	Kinh tế học	Khoa Kinh tế	
2	402	Kinh tế đối ngoại	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
3	403	Kinh tế và quản lý công	Khoa Kinh tế	
4	404	Tài chính - Ngân hàng	Khoa Tài chính Ngân hàng	
5	405	Kế toán	Khoa kế toán kiểm toán	
6	406	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
7	407	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
8	408	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
9	409	Kiểm toán	Khoa kế toán kiểm toán	
10	410	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
11	411	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
12	412	Ngân hàng	Khoa Tài chính Ngân hàng	
13	413	Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính	Khoa Toán Kinh tế	
14	414	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính Ngân hàng	
15	415	Quản trị du lịch và lữ hành	Khoa Quản trị kinh doanh	
16	501	Luật kinh doanh	Khoa Luật Kinh tế	
17	502	Luật thương mại quốc tế	Khoa Luật Kinh tế	
18	503	Luật dân sự	Khoa Luật	
19	504	Luật tài chính ngân hàng	Khoa Luật	
Chất lượng cao				
20	401C	Kinh tế học chất lượng cao	Khoa Kinh tế	
21	402C	Kinh tế đối ngoại chất lượng cao	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
22	403C	Kinh tế và quản lý công chất lượng cao	Khoa Kinh tế	
23	404C	Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao	Khoa Tài chính Ngân hàng	
24	405C	Kế toán chất lượng cao	Khoa kế toán kiểm toán	
25	406C	Hệ thống thông tin quản lý chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	
26	407C	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	Khoa Quản trị kinh doanh	
27	408C	Kinh doanh quốc tế chất lượng cao	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
28	409C	Kiểm toán chất lượng cao	Khoa kế toán kiểm toán	
29	410C	Marketing chất lượng cao	Khoa Quản trị kinh doanh	
30	411C	Thương mại điện tử chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	
31	413C	Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính chất lượng cao	Khoa Toán Kinh tế	
32	414C	Công nghệ tài chính chất lượng cao	Khoa Tài chính Ngân hàng	
33	416C	Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	

34	501C	Luật kinh doanh chất lượng cao	Khoa Luật Kinh tế	
35	502C	Luật thương mại quốc tế chất lượng cao	Khoa Luật Kinh tế	
36	503C	Luật dân sự chất lượng cao	Khoa Luật	
37	504C	Luật tài chính ngân hàng chất lượng cao	Khoa Luật	
Chất lượng cao bằng tiếng Anh				
38	404CA	Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Tài chính Ngân hàng	
39	405CA	Kế toán chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa kế toán kiểm toán	
40	407CA	Quản trị kinh doanh chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Quản trị kinh doanh	
41	408CA	Kinh doanh quốc tế chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
Chất lượng cao bằng tiếng Pháp				
42	504CP	Luật tài chính ngân hàng chất lượng cao tăng cường Tiếng Pháp	Khoa Luật	
Song ngành các Trường thành viên ĐHQG-HCM				
43	402SN	Kinh tế đối ngoại/Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
44	407SN	Quản trị sinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
45	501SN	Luật Kinh tế	Khoa Luật Kinh tế	

Tổng cộng: 45 chương trình



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành tại Quyết định số /QĐ-ĐHKT-LĐT ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế – Luật)

Tên chương trình: **KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHẤT LƯỢNG CAO**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Kinh tế**
Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**
Mã ngành đào tạo: **7310101**
Trưởng Bộ môn: **PGS.TS Nguyễn Chí Hải**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo các cử nhân kinh tế có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kỹ năng tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn để có thể làm việc trong các lĩnh vực kinh tế và quản lý tại các tổ chức kinh tế, khu vực hành chính, sự nghiệp, tổ chức phi chính phủ và nghiên cứu, giảng dạy.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo những cử nhân kinh tế có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng quản lý nhà nước về kinh tế tại khu vực hành chính, đơn vị sự nghiệp.
- Đào tạo đội ngũ những nhà nghiên cứu, chuyên gia kinh tế có khả năng phân tích, hoạch định, tham mưu, tư vấn, tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế- xã hội, các kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công và cung ứng dịch vụ công.
- Đào tạo những cử nhân kinh tế có khả năng tổ chức, quản lý, vận hành các hoạt động kinh tế ở khu vực doanh nghiệp công và tư.
- Đào tạo những cử nhân kinh tế có tư duy nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kinh tế và quản lý công, có khả năng học lên ở bậc cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH

1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
1.1. Kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và nhân văn
1.1.1 Hiểu kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội và nhân văn
1.1.2 Áp dụng các kiến thức tự nhiên, xã hội, nhân văn để giải thích và giải quyết các vấn đề thực tiễn
1.2. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế và quản lý công
1.2.1 Tổng hợp kiến thức liên ngành kinh tế học, tài chính, kế toán, đối ngoại, quản trị, luật kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế
1.2.2 Áp dụng kiến thức thống kê và định lượng trong việc nhận diện và lượng hóa các mối quan hệ kinh tế
1.3. Kiến thức chuyên ngành Kinh tế và quản lý công
1.3.1 Áp dụng kiến thức phân nhánh của kinh tế học trong khu vực công để phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội
1.3.2 Áp dụng kiến thức kinh tế và quản lý để phân tích, đánh giá, vận hành và đề xuất chính sách kinh tế, chương trình, dự án phát triển
1.3.3 Áp dụng kiến thức về quản lý kinh tế để phân bổ hiệu quả nguồn lực trong các doanh nghiệp
2. KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN
2.1. Kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện và sáng tạo
2.1.1 Phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và chính sách của chính phủ
2.1.2 Phản biện chính sách và các quan điểm thuộc lĩnh vực chuyên môn
2.1.3 Tư duy có hệ thống, nghiên cứu độc lập, sáng tạo
2.2. Kỹ năng hoạch định, tư vấn chính sách
2.2.1 Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư
2.2.2 Tư vấn và đánh giá các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội
2.2.3 Tư vấn các vấn đề kinh tế, chính sách và giải pháp cho doanh nghiệp, địa phương và trung ương
2.3. Kỹ năng định lượng và dự báo
2.3.1. Thống kê mô tả hành vi của các chủ thể kinh tế.
2.3.2 Xác định mối tương quan giữa các đại lượng kinh tế.
2.3.3 Dự báo biến động và xu hướng nền kinh tế trong và ngoài nước.

2.3.4 Phân tích lợi ích- chi phí của các quyết định chính sách
3: KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM
3.1. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tạo lập mối quan hệ
3.1.1 Trình bày và thuyết trình vấn đề thuyết phục
3.1.2 Ứng xử phù hợp với các chuẩn mực trong giao tiếp
3.1.3 Đặt và giải quyết vấn đề mạch lạc, súc tích
3.2. Kỹ năng làm việc nhóm
3.2.1 Tương tác, phản biện và bảo vệ ý kiến
3.2.2 Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo và hiệu quả
3.2.3 Quản lý thời gian một cách hiệu quả
3.3. Kỹ năng ngoại ngữ không chuyên
3.3.1 Nghe và nói tiếng Anh thành thạo
3.3.2 Đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh
4. PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
4.1. Thái độ và tư tưởng đúng đắn
4.1.1 Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
4.1.2 Tuân thủ pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế.
4.1.3 Có thái độ đúng đắn với các xung đột và tiêu cực trong xã hội
4.2. Thái độ đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng
4.2.1 Có ý thức kỷ luật chấp hành các quy định tại nơi công tác và cư trú
4.2.2. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp và tính thần trách nhiệm cao đối với cá nhân và cộng đồng.
4.2.3. Tinh thần làm việc nghiêm túc, đúng đắn và hợp với xu hướng phát triển của xã hội
4.3. Ý thức học tập suốt đời
4.3.1. Nhận thức được ý nghĩa của việc học tập suốt đời
4.3.2. Rèn luyện năng lực học tập, nghiên cứu hiệu quả và lâu dài
4.3.3 Hình thành thói quen đọc sách thường xuyên

3. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA – MÔN HỌC

HK	Môn học	TC	Kiến thức			Kỹ năng chuyên ngành			Kỹ năng mềm			Thái độ		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
HỌC KỲ I	Triết học Mác Lênin	3	✓									✓	✓	
	Kinh tế vi mô I	3		✓		✓								✓
	Lý luận NN và PL	3	✓						✓			✓	✓	
	Toán cao cấp	3	✓									✓	✓	
	Nhập môn ngành KT&QLC	2	✓						✓	✓		✓	✓	✓
	Tâm lý học đại cương *	2	✓						✓	✓		✓	✓	
	Nhập môn khoa học giao tiếp *	2	✓						✓	✓				
	Nhân học đại cương*	2	✓										✓	
HỌC KỲ II	Luật Doanh nghiệp	3		✓										
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	✓							✓		✓	✓	
	Kinh tế học vĩ mô I	3		✓		✓	✓					✓		
	Nguyên lý kế toán	3		✓										
	Quản trị học căn bản	3		✓					✓	✓	✓	✓	✓	
	Lý thuyết xác suất	2	✓											
	Địa chính trị thế giới *	2	✓							✓	✓	✓	✓	
	Quan hệ quốc tế *	2	✓						✓	✓	✓	✓		
	Lịch sử văn minh thế giới*	2	✓						✓					
	Văn hóa học*	2	✓						✓			✓	✓	
	Xã hội học *	2	✓						✓			✓	✓	
	Cơ sở văn hoá Việt Nam*	2	✓										✓	
HỌC KỲ III	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	✓						✓	✓		✓	✓	
	LS KTVN & các nước	3		✓					✓	✓		✓	✓	
	Marketing căn bản	3		✓					✓	✓	✓			
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓		
	Thống kê ứng dụng	2		✓				✓						
	Kỹ năng làm việc nhóm *	2	✓						✓	✓		✓		
	Nghị vụ hành chính văn phòng*	2	✓						✓					
HỌC KỲ IV	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	✓						✓	✓		✓	✓	
	Kinh tế học quốc tế	2		✓								✓		
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		✓	✓							✓		
	Kinh tế lượng	3		✓				✓				✓		
	Kinh tế công I	3			✓	✓	✓			✓	✓		✓	✓
	Lịch sử các HTKT*	3		✓								✓		
	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý DN *	3			✓	✓			✓	✓				
	Kế toán hành chính sự nghiệp*	3			✓		✓							
	Kinh tế số*	2	✓					✓						

	Logic học *	2	✓			✓								
	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	2	✓			✓								
	Kiến tập	2			✓							✓	✓	
HỌ C KỲ V	Phân tích định lượng trong kinh tế	3			✓			✓						
	Kinh tế và quản lý công nghiệp	3			✓						✓	✓	✓	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	✓									✓	✓	
	Kinh tế công 2	2			✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓
	Kinh tế NN & PTNT	2			✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓
	Chính sách công	3			✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓
	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3		✓							✓			
	Kinh tế sức khỏe*	3			✓	✓	✓				✓			
	Quan hệ công chúng *	3			✓				✓	✓	✓			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học *	2	✓			✓								
HỌ C KỲ VI	Kinh tế phát triển	3			✓	✓	✓			✓	✓			
	Kinh tế môi trường	3			✓	✓	✓	✓		✓				
	Kinh tế lao động	3			✓	✓	✓	✓		✓		✓	✓	✓
	Quản lý công	3			✓	✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓
	Lãnh đạo học	2			✓									
	Phân tích chính sách*	3			✓		✓	✓		✓	✓			✓
	Marketing địa phương *	3			✓	✓	✓		✓	✓				
HỌ C KỲ VII	Phân tích lợi ích- chi phí	3			✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓		
	Kinh tế đô thị vùng và miền	3			✓	✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓
	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓
	Bảo hiểm xã hội	3			✓	✓	✓		✓	✓				
	Luật lao động*	3			✓							✓	✓	
	Kinh doanh bất động sản*	3			✓	✓	✓					✓		
HỌ C KỲ VII I	Thực tập cuối khóa	4			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Quản lý nhân sự trong nền kinh tế số	2			✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	
	Truyền thông và xử lý khủng hoảng	2			✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	
	Khóa luận tốt nghiệp	4			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Ghi chú (*): các môn học tự chọn

CDR ngoại ngữ không được mô tả trong ma trận trên, CDR ngoại ngữ theo qui định đào tạo chung của Trường

4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

❖ Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế công và quản lý sẽ có cơ hội và khả năng làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế:

- Các đơn vị sự nghiệp và hành chính nhà nước

- Các đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức tài chính tín dụng, quỹ đầu tư.
- Các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, chương trình nghiên cứu hỗ trợ phát triển.
- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu, các tổ chức tư vấn kinh tế.

❖ Một số vị trí công tác tiêu biểu:

- Chuyên gia thẩm định, tư vấn dự án đầu tư
- Chuyên gia quản lý nhân sự, tư vấn lao động- việc làm
- Chuyên viên truyền thông, nghiên cứu thị trường
- Chuyên gia phân tích, hoạch định chính sách
- Chuyên gia tư vấn quản trị chiến lược
- Công chức tại khu vực hành chính nhà nước
- Viên chức khu vực sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội
- Giảng viên giảng dạy Kinh tế quản lý công

5. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (không bao gồm phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

Ngành KT&QLC	Tổng cộng	Khối kiến thức chung	Khối kiến thức cơ sở chung khối ngành	Khối kiến thức chung nhóm ngành	Khối kiến thức chuyên ngành	Kiến tập, TTCK, KLTN, hoặc các HPCĐ
Số tín chỉ	130	36	20	12	52	10
Tỷ lệ (%)	100	28	10	9	40	8

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Luật.

a. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khởi kiến thức giáo dục cơ bản: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.
- Khởi kiến thức cơ sở của khối ngành: học kỳ 4.
- Khởi kiến thức ngành: học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8.

b. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đề án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đề án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

9. THANG ĐIỂM:

Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

10.1 Khối kiến thức chung (toàn trường): 36 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ				
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC	
Môn bắt buộc			26	26			
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3			
2	ECO1051	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2			
3	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
4	GEN1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2			
5	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
6	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3			
7	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			
8	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3			
9	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
10	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3			
Môn tự chọn			10	10	10		
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương giao tiếp	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học		2	2		
3	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2		

7	MIS1105	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
8	GEN1107	Logic học		2	2		
9	ECO1060	Kinh tế số		2	2		
10	GEN1106	Xã hội học	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
11	GEN1105	Văn hóa học		2	2		
12	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2		
13	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
14	GEN 1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng		2	2		

10.2 Khối kiến thức cơ sở Khối ngành và nhóm ngành: 32 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/T N	KHÁC
Khối kiến thức cơ sở khối ngành Kinh tế và kinh doanh			20	17	3	
1	MAT1101	Toán cao cấp	3	3		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
3	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	2		
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
5	BUS1200	Marketing căn bản	3	2	1	
6	FIN1201	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	
8	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2		
Khối kiến thức chung nhóm ngành Kinh tế			12	8	3	
1	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1	
2	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3	2	1	

3	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3		
4	ECO1005	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2	1	

10.3 Khối kiến thức ngành và chuyên ngành : 52 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/T N	KHÁC
Môn bắt buộc			40			
1	ECO1062	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	2	1	
2	ECO1035	Kinh tế và quản lý công nghiệp	3	3		
3	ECO1034	Nhập môn ngành kinh tế và quản lý công	2	2		
4	ECO1045	Chính sách công	3	3	1	
5	ECO1017	Phân tích lợi ích chi phí	3	3		
6	ECO1036	Lãnh đạo học	2			
7	ECO1046	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	2		
8	ECO1044	Kinh tế phát triển	3	2	1	
9	ECO1009	Kinh tế môi trường	3	3		
10	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3		
11	ECO1024	Kinh tế đô thị - vùng và miền	3	3		
12	ECO1025	Quản lý công	3	3		
13	ECO1021	Kinh tế Công 1	3	3		
14	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2		
15	ECO1038	Bảo hiểm xã hội	2	2		
Môn tự chọn			12			
1	ECO1028	Kinh doanh bất động sản	3	2	1	
2	LD02	Luật lao động	3	3		

3	ECO1039	Phân tích chính sách	3	3		
4	ECO1026	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý doanh nghiệp	3	2	1	
5	ECO1027	Marketing địa phương	3	3		
6	ECO1019	Quan hệ công chúng	3	3		
7	ECO1040	Kinh tế sức khỏe	3	2	1	
8	ECO1007	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3		
9		Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1	
10	ECO1064	Phương pháp NCKH	3	2	1	

10.4 Khối kiến thức kiến tập, thực tập, Khoá luận/Chuyên đề: 10 Tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn bắt buộc						
1		Kiến tập	2		2	
2	REP01	Thực tập cuối khóa	4		4	
Môn tự chọn			4	4		
1	THE01	Khoá luận tốt nghiệp	4	4		
2	ECO1058	Quản lý nhân sự trong nền kinh tế số (Đối với sinh viên không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)	2	2		
3	ECO1050	Truyền thông và xử lý khủng hoảng (Đối với sinh viên không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)	2	2		

10.5 Khối kiến thức ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

STT	MÃ	TÊN	TÍN CHỈ
-----	----	-----	---------

	MÔN HỌC	MÔN HỌC	TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Ngoại ngữ không chuyên (20 TC)			20	16	4	
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	
Giáo dục thể chất (5 TC)						
Giáo dục quốc phòng (8 TC, tương ứng 165 tiết)						

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
- Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học phần chuyên môn (6 tín chỉ). Khóa luận thực hiện trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng. Các học phần chuyên môn học trong học kỳ 8.

11. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KỲ

➤ **HỌC KỲ I: 16 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng g cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			14	14			
1	GEN1007	Triết học Mác-Lênin	3	3			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3			
4	MAT1101	Toán cao cấp	3	3			
5	ECO1034	Nhập môn ngành kinh tế và quản lý công	2	2			

Môn học tự chọn				2	2			
5	GEN1101	Tâm lý học đại cương	Chọn 1 trong 3 môn	2	2			
6	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
7	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2			
8	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3			

➤ **HỌC KỲ II: 20 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			16	15	1		
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			ECO1001
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1		
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001
6	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
Môn học tự chọn			4	4			
9	GEN1103	Địa chính trị thế giới	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
8	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
9	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2		
10	GEN1105	Văn hóa học	Chọn 1 trong 3 môn	2	2		
11	GEN1106	Xã hội học		2	2		
12	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2		
13	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	3	3			
14	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

➤ **HỌC KỲ III: 15 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			13	12	1		
1	ECO1051	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	2			
2	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3			
3	BUS1200	Marketing căn bản	3	2	1		
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			ECO1001 ECO1002
5	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	2			MAT1002
Môn học tự chọn			2				
6	BUS1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	2			
7	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	2			

➤ **HỌC KỲ IV: 19 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				14	12	2		
1	GEN1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2			ECO1002, ECO1001
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh		2	1	1		
4	MAT1004	Kinh tế lượng		3	2	1		MAT1001 MAT1002 MAT1003
5	ECO1021	Kinh tế công 1		3	3			ECO1002, ECO1001
6		Kiến tập		2	2			
Môn học tự chọn				5	4	1		
7	ECO1026	Kinh tế học	Chọn	3	3			ECO1002, ECO1001

		ứng dụng trong quản lý DN	1 trong 3 môn					
8		Kế toán hành chính sự nghiệp		3	3			ACC1013
9	ECO1007	Lịch sử các học thuyết kinh tế		3	3			
10	ECO1060	Kinh tế số	Chọn 1 trong 3 môn	2	2			
11	GEN1107	Logic học		2	2			
12	MIS1105	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo		2	2			

➤ **HỌC KỲ V: 21 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				18	15	3		
1	ECO1062	Phân tích định lượng trong kinh tế		3	2	1		MAT1004
2	ECO1035	Kinh tế và quản lý công nghiệp		3	3			
3	ECO1022	Kinh tế công 2		2	2			ECO1002, ECO1001, ECO1021
4	ECO1046	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn		2	2			ECO1002, ECO1001
5	ECO1045	Chính sách công		3	2	1		ECO1021
6	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2			
7	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế		3	2	1		
Môn học tự chọn chuyên sâu				3				
7	ECO1019	Quan hệ công chúng	Chọn 1 trong 3 môn	3	3			
8	ECO1040	Kinh tế sức khỏe		3	3			ECO1002, ECO1001
9	ECO1064	Phương		3	1	1		

		pháp nghiên cứu khoa học						
--	--	--------------------------------	--	--	--	--	--	--

➤ **HỌC KỲ VI: 17 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				14	13	1		
1	ECO1044	Kinh tế phát triển		3	2	1		ECO1002, ECO1001
2	ECO1009	Kinh tế môi trường		3	3			ECO1002, ECO1001 ECO1021
3	ECO1013	Kinh tế lao động		3	2	1		ECO1002, ECO1001
4	ECO1025	Quản lý công		3	3			
5	ECO1036	Lãnh đạo học		2	2			
Môn học tự chọn chuyên sâu				3	3			
6	ECO1027	Marketing địa phương	Chọn 1 trong 2 môn	3	3			
7	ECO1039	Phân tích chính sách		3	3			

➤ **HỌC KỲ VII: 14 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				11	9	2		
1	ECO1017	Phân tích lợi ích – chi phí		3	2	1		
2	ECO1024	Kinh tế đô thị, vùng và miền		3	3			ECO1002, ECO1001
3	ECO1005	Lập và thẩm định dự án		3	2	1		
4	ECO1038	Bảo hiểm xã hội		2	2	0		
Môn học tự chọn chuyên sâu				3	2	1		
5	LD02	Luật lao	Chọn 1	3	2	1		

		động	trong 2 môn					
6	ECO1028	Kinh doanh bất động sản		3	2	1		ECO1002, ECO1001

➤ **HỌC KỲ VIII: 8 tín chỉ**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn bắt buộc			4		4		
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4		
Môn tự chọn			4		4		
2	ECO1058	Quản lý nhân sự trong nền kinh tế số	2	2			
3	ECO1050	Truyền thông và xử lý khủng hoảng	2	2			
4		Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	4		4		

12. Giảng dạy ngoại ngữ và trợ giảng

Tiếng Anh là ngoại ngữ chính trong việc dạy và học đối với các Chương trình chất lượng cao.

Trong chương trình đào tạo, tối thiểu 20% môn học sẽ được giảng dạy bằng tiếng Anh, chủ yếu áp dụng đối với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành và sau đó sẽ tăng dần qua các khóa đào tạo sau.

Bảng 12.1: Các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh

STT	Mã môn	Tên môn học	Số TC	Học kỳ	Tên giảng viên phụ trách	Song ngữ	100% tiếng Anh
1	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	ThS Trần Lục Thanh Tuyền ThS Huỳnh Thị Ly Na ThS Bùi Hồng Ngọc	x	

2	ECO1021	Kinh tế công 1	3	4	TS. Trịnh Hoàng Hồng Huệ ThS Trần Thị Lộc		X
3	ECO1022	Kinh tế công 2	2	5	ThS Nguyễn Thị Thu Trang		X
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	4	TS. Hồ Trung Thành ThS. Nguyễn Duy Nhất	x	
5	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	4	ThS. Nguyễn Văn Nền TS. Trần Văn Đức	X	
6	FIN1201	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3	TS Nguyễn Hoàng Anh		X
7	ECO1046	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	5	ThS Mai Lê Thúy Vân PGS.TS Nguyễn Minh Đức		X
8	ECO1013	Kinh tế lao động	3	6	ThS Nguyễn Thanh Huyền PGS. TS Trần Văn Thiện	X	
9	ECO1009	Kinh tế môi trường	3	6	ThS Nguyễn Thị Thu Hương TS. Lê Huy Đoàn	X	
10	ECO1045	Chính sách công	3	5	ThS. Đinh Hoàng Tường Vi	X	
11	ECO1027	Marketing địa phương	3	6	ThS. Hoàng Thọ Phú	X	
12	ECO1025	Quản lý công	3	6	ThS. Trần Thị Lộc ThS. Huỳnh Ngọc Chương		X
13	ECO1050	Truyền thông và xử lý khủng hoảng	2	8	TS. Trịnh Hoàng Hồng Huệ	X	
14	ECO1036	Lãnh đạo học	2	6	TS. Trịnh Hoàng Hồng Huệ	x	
Tổng cộng			36				

Bảng 12.2 Danh mục các môn trợ giảng

TT	Mã môn	Tên môn	Số TC	Học kỳ	Trợ giảng
01	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	1	x

02	MAT1101	Toán cao cấp	3	1	x
03	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	x
04	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	x
06	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	3	x
07	MAT1004	Kinh tế lượng	3	4	x
08	ECO1062	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	5	x
9	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư	3	7	x
10	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2	x
11	MAT 1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3	5	x

13. KIẾN THỨC NGÀNH THỨ HAI: 12 tín chỉ

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

➤ Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1056	Kinh tế vi mô 2	3	3			
2	ECO1057	Kinh tế vĩ mô 2	3	3			
3	ECO1044	Kinh tế phát triển	3	3			
4	ECO1032	Kinh tế công	4	4			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

➤ Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng	Lý	Thực	Tích	Đã học

			cộng	thuyết	hành	lũy	và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC 1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC 1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC 1034	

➤ **Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC 1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC 1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC 1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC 1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

T T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2	3	3			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
4	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

T T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1: E-Marketing							
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
2	MIS1040	Marketing điện tử	3	3			
3	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
4	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
Nhóm 2: Quản trị TMĐT và Chuyển đổi số							
1	MIS1107	Quản trị chuyển đổi số	3	3			

2	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
3	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
4	MIS1102	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

➤ **Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

➤ **Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng	Lý	Thực	Tích	Đã học

			cộng	thuyết	hành	lũy	và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

➤ **Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

14. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

1) Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: nắm vững những kiến thức toán phổ thông căn bản.

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

2) Môn học: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức cơ bản về xã hội

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước.

3) Môn học: QUAN HỆ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

4) Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học:

Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các

thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

5) Môn học: TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.
- Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

6) Môn học: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

Mô tả môn học: Môn học cung cấp cho người học:

- + Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.
- + Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

7) Môn học: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin

Nội dung:

Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

8) Môn học: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong



quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

9) Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

10) Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

11) Môn học: CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Thời lượng : 2 tín chỉ

Mô tả môn học:

Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

12) Môn học: KINH TẾ SỐ



Thời lượng : 2 tín chỉ

Phân bổ thời gian: 30 tiết(20 tiết lý thuyết + 10 tiết thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải tích lũy được môn Kinh tế vi mô 1.

Mô tả môn học:

Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số.

Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn

13) Môn học: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH TẾ

Thời lượng : 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, Thống kê ứng dụng, Kinh tế lượng

Mô tả môn học:

Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

14) Môn học: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, những nội dung cơ bản của các học thuyết kinh tế và các trường phái kinh tế chủ yếu ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Những học thuyết được tiếp cận sẽ giúp sinh viên vận dụng trong phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế cũng như vận dụng vào phát triển kinh tế Việt Nam. Đồng thời còn tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các môn học Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển thuận lợi hơn.

15) Môn học : LỊCH SỬ KINH TẾ VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức chung về khoa học xã hội, kinh tế

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về những giai đoạn phát triển kinh tế, chính sách áp dụng trong từng giai đoạn của một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Liên Xô cũ; một số đặc điểm phổ biến của các quốc gia đang phát triển trong đó có khu vực Đông Nam Á và Việt Nam. Môn học đi sâu phân tích các giai đoạn phát triển kinh tế của Việt Nam từ lập quốc đến nay.

16) Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam... Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

17) Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong các môn Toán cao cấp

Nội dung môn học:

Kết thúc môn học, sinh viên nắm được các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

18) Môn học: KINH TẾ VI MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức toán cơ bản

Nội dung môn học

Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng

Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế.

19) Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức toán cơ bản

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ.

Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

20) Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về Tin học

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

21) Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học:

Kết thúc môn học, sinh viên hiểu được chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

22) Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức những môn học Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học:

Cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

23) Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 5 tín chỉ

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

24) Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 8 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

25) Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về các môn học sau: Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất.

Nội dung môn học:

Định hướng của môn học nhằm trình bày một cách cơ bản cho sinh viên những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng của kinh tế lượng, công cụ hỗ trợ của những quyết định và dự báo cho doanh nghiệp hoặc quốc gia trong tương lai.

26) Môn học: KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô.

Nội dung môn học:

Cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và để hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của VN.

27) Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng.

Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

28) Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong môn Pháp luật đại cương

Nội dung môn học:

Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế.

29) Môn học: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Nắm được đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương, bản chất của hiện tượng tâm lý, các khái niệm cơ bản của tâm lý học đại cương, lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý người. Hiểu biết quá trình nhận thức, xúc cảm, tình cảm và ý chí, nắm được bản chất của nhân cách và các thuộc tính của nhân cách. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản cho SV là kiến thức cần trang bị trước khi học các môn như tâm lý phát triển, tâm lý học xã hội...

30) Môn học: NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm vững:

Những khái niệm cơ bản về lý thuyết truyền thông và giao tiếp.

Vai trò và ý nghĩa của truyền thông giao tiếp trong đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.

Các kỹ năng trong quá trình truyền thông và giao tiếp để có thể hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng trong các hoạt động xã hội.

31) Môn học: NHẬP MÔN NGÀNH KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Môn học giúp sinh viên nhận thức được vị trí của ngành học so với các nước và trong nước, chương trình học, các chuẩn đầu ra của ngành và định hướng nghề nghiệp tương lai.

Môn học còn trang bị cho người học những phương pháp học tập hiệu quả, phương thức tìm kiếm tài liệu, sử dụng tài liệu, và xây dựng kế hoạch học tập. Ngoài ra môn học còn cung cấp những kỹ năng cơ bản của ngành: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và phản biện chính sách.

32) Môn học: VĂN HÓA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức cơ bản về xã hội

Nội dung môn học:

Môn học văn hóa học là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, thông qua môn học, người học có thể nắm được các nội dung: (1) điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; (2) cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam; (3) đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam; (4) Văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa; (5) các vùng văn hóa Việt Nam.

33) Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: có kiến thức Kinh tế học đại cương, Kinh tế - chính trị

Nội dung môn học:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu đặc thù của xã hội học. Nắm được mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, chính trị, văn hóa,... ; Có khả năng phát hiện ra vấn đề xã hội/ phương diện xã hội nảy sinh từ hoạt động, hành vi kinh tế và biết cách tiến hành một cuộc khảo sát thực địa những vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của xã hội học.

34) Môn học: NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung:

Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nên mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức để hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học.

- Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong nghiên cứu nhân học, hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nhân

học.

- Sinh viên biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các tộc người người ở Việt Nam và trên thế giới.

35) Môn học: CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung:

Môn học nhằm cung cấp cho người học ngành khoa học xã hội – nhân văn kiến thức nền về văn hóa và văn hóa Việt Nam, đồng thời hướng dẫn người học hướng tiếp cận văn hóa học khi nghiên cứu văn hóa Việt Nam, tạo cơ sở để có thể tự tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu hoặc hỗ trợ cho người học nghiên cứu chuyên ngành của họ.

36) Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học nguyên lý thị trường tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, nguyên lý vận hành và các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Sinh viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

37) Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Nắm được các khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò của cá nhân trong nhóm, thấy được sự cần thiết của làm việc nhóm. Hiểu bản chất của hình thức làm việc theo nhóm, cơ cấu tổ chức nhóm. Tầm quan trọng sự khác biệt trong việc tạo thành công của nhóm, nguyên tắc điều chỉnh hoạt động giao tiếp nhóm, các mâu thuẫn thường phát sinh trong nhóm và tăng cường động lực làm việc cho các thành viên.

38) Môn học: NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG

Thời lượng : 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mô tả: Môn học trang bị cho sinh viên cá kiến thức, kỹ năng định, tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.

39) Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học:

Môn học gồm 2 phần.

Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).

Phần II : Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.

40) Môn học: KINH TẾ CÔNG 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học sau các môn Kinh tế chính trị, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Kinh tế lượng.

Nội dung môn học :

Môn học nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Khu vực công, đồng thời cả những phương pháp và nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế.

Bên cạnh đó môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan để phân biệt về các loại hàng hóa công trong thực tế bao gồm hàng hóa công thuần túy, không thuần túy... làm cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước ở các thị trường này.

Ngoài ra môn học còn phân tích các vấn đề lựa chọn công, đánh giá các chương trình chi tiêu công cộng của chính phủ.

41) Môn học: PHÂN TÍCH LỢI ÍCH CHI PHÍ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về toán kinh tế, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế lượng, kinh tế phát triển

Nội dung môn học:

Môn học bao gồm 6 chương. Chương đầu tiên sẽ phân biệt các mục tiêu và các quan điểm khác nhau trong một chính sách, chương trình hay dự án và các quy trình khi thực hiện phân tích đánh giá các chính sách, chương trình dự án để qua đó giới thiệu khái quát về phương pháp phân tích lợi ích chi phí, và phân biệt sự khác nhau giữa phân tích lợi ích – chi phí với phân tích tài chính. Các chương tiếp theo sẽ làm rõ các khái niệm cơ bản trong phân tích lợi ích – chi phí như hiệu quả Pareto, giá thị trường, giá hiệu quả; các nguyên tắc nhận dạng lợi ích chi phí, tiêu chí lựa chọn dự án...

42) Môn học: PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Kinh tế lượng, Thống kê ứng dụng

Nội dung: Môn học trang bị cho người học những kiến thức nền tảng trong tiếp cận nghiên cứu định lượng. Môn học còn trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và các chương trình phần mềm về xử lý số liệu thu thập sơ cấp và thứ cấp và ứng dụng để phân tích, dự báo trong nghiên cứu chuyên ngành. Các kỹ thuật tiếp cận trong nghiên cứu định lượng bao gồm các mô hình xác suất, dữ liệu bảng và các phương pháp phân tích với dữ liệu bảng, dữ liệu chuỗi thời gian, dữ liệu chéo.

43) Môn học: KINH TẾ CÔNG 2

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong các môn Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, Kinh tế công 1, Chính sách công, Quản lý công

Nội dung môn học:

Phân tích các hình thức can thiệp của Nhà nước vào các lĩnh vực chủ yếu như: y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội và các chương trình phúc lợi khác

44) Môn học: LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn toán cao cấp C1, C2, kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1.

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề sau:

Những nội dung và phương pháp lập một dự án đầu tư

Nội dung, phương pháp và cách thức thẩm định dự án đầu tư.

Khi ra trường sinh viên có thể lập được các dự án đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư; quản lý các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp hoặc các sở, ban ngành; có thể công tác tại sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố, hoặc có thể tự lập các dự án đầu tư cho doanh nghiệp hay cho bản thân.

45) Môn học: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thời lượng: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức nền tảng về Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho sinh viên khối ngành kinh tế và chuyên ngành kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn những kiến thức chuyên sâu về kinh tế nông nghiệp. Sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức về các lý thuyết kinh tế học ứng dụng vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phương pháp phân tích kinh tế và bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn.

46) Môn học: CHÍNH SÁCH CÔNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Kinh tế công

Nội dung môn học:

Trong hệ thống các công cụ quản lý được Nhà nước dùng để điều hành các hoạt động kinh tế – xã hội, thể hiện các quan điểm, thực hiện các mục tiêu của mình, chính sách công là một trong những công cụ mạnh, trực tiếp và nền tảng định hướng cho các công cụ khác.

Các trường đại học, học viện có nhiệm vụ đào tạo cán bộ quản lý, các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý công, việc giảng dạy môn học Chính sách công là cần thiết nhằm hình thành tư duy và phương pháp luận trong việc phân tích, hoạch định, xây dựng, ban hành, thực thi và quản trị hiệu quả chính sách công.

Vì vậy, môn Chính sách công là môn học cơ sở của chuyên ngành Kinh tế & quản lý công cho hệ cử nhân kinh tế, cử nhân hành chính. Ngoài ra, khoa học chính sách công được nghiên cứu, giảng dạy ở các ngành khoa học xã hội có liên quan.

47) Môn học: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phân tích và thực hành các nghiệp vụ kế toán cơ bản trong khu vực hành chính, sự nghiệp.

48) Môn học: KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học vi mô

Nội dung môn học:

Môn học cung cấp các khái niệm, nguyên lý và công cụ của kinh tế học vi mô, kinh tế lượng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế của doanh nghiệp: (i) hiểu bản chất của việc hình thành và phát triển các DN, (ii) giới thiệu những vấn đề cốt lõi của kinh tế học quản lý, (iii) hướng dẫn cách ứng dụng những khái niệm mang tính lý thuyết vào những vấn đề kinh tế thực tiễn.

49) Môn học: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải học xong môn Quản trị học đại cương và Marketing căn bản.

Nội dung môn học:

Môn học nghiên cứu các nguyên lý quan hệ công chúng trong kinh doanh. Môn học tập trung vào tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật được dùng để đạt được và duy trì hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong công chúng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; các phân tích về quan điểm và thái độ của công chúng; các chính sách quan hệ công chúng; áp dụng các lý thuyết về quan hệ công chúng vào các tình huống thực tế.

50) Môn học: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải tích lũy được các môn học toán cao cấp, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Nội dung môn học bao gồm 12 chương, thể hiện trong bốn phần:

Phần thứ nhất, những vấn đề chung về phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ hai, phân tích các nguồn lực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ ba, các chính sách & lĩnh vực phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

Phần thứ tư, vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

51) Môn học: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế công, Phân tích lợi ích-chi phí.

Nội dung môn học

Phần thứ nhất, tìm hiểu về hệ thống kinh tế và các vấn đề môi trường, chú trọng vào việc tìm ra mối gắn kết qua lại giữa hệ thống kinh tế và hệ thống môi

trường, tìm hiểu các nguyên nhân kinh tế gây suy thoái môi trường và sử dụng các công cụ kinh tế để giảm thiểu ô nhiễm môi trường

Phần thứ hai, tìm hiểu về kinh tế tài nguyên thiên nhiên, đi sâu vào việc phân loại và sử dụng tài nguyên thiên nhiên 1 cách có hiệu quả.

52) Môn học: KINH TẾ LAO ĐỘNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học xong các môn Kinh tế chính trị, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng

Nội dung môn học:

Nghiên cứu về các phương pháp và hình thức sử dụng các qui luật kinh tế của xã hội trong lĩnh vực nâng cao hiệu quả, tổ chức và điều kiện lao động, khuyến khích vật chất và tinh thần, tái sản xuất sức lao động của nó.

53) Môn học: QUẢN LÝ CÔNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Chính sách công, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Môn học: (1) cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức nhà nước – với những chức năng và nhiệm vụ cụ thể; (2) trang bị cho SV những hiểu biết về thực tế QL KV công; (3) giúp SV hiểu sâu sắc về tầm quan trọng của QL khu vực công trong quản trị nhà nước; (4) khuyến khích khả năng của SV trong việc tranh luận về những vấn đề thuộc về KV công.

54) Môn học: MARKETING ĐỊA PHƯƠNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: marketing căn bản

Nội dung môn học:

Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được các vấn đề mang tính lý luận lẫn thực tiễn về marketing, marketing địa phương và cách thức xây dựng chương trình marketing địa phương nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương như phát triển du lịch địa phương, thu hút đầu tư cho địa phương v.v...

55) Môn học: KINH TẾ ĐÔ THỊ, VÙNG VÀ MIỀN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế đô thị và vùng cả về lý thuyết và kỹ năng.

56) Môn học: KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải học xong các môn học Kinh tế vĩ mô, Kinh tế công.

Nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thị trường bất động sản như đặc điểm thị trường, các phương pháp định giá bất động sản, lợi nhuận trong các phân khúc thị trường, phương pháp marketing về thị trường này. Từ đó làm cơ sở để đề ra những chính sách tác động của chính phủ trong quản lý thị trường bất động sản cho phù hợp với thể chế kinh tế thị trường.

57) Môn học : PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên học xong môn Chính sách công, Kinh tế lượng

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kỹ thuật phân tích chính sách. Cuối khoá học, sinh viên có thể: (i) Hiểu đánh giá chương trình/chính sách. Vai trò, chức năng, và giá trị cho việc đánh giá/phân tích chính sách, (ii) Lựa chọn các thiết kế và phương pháp phù hợp cho việc phân tích/đánh giá, (iii) Thiết kế và quản lý các đánh giá chương trình/chính sách.

58) Môn học : LÃNH ĐẠO HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong môn Quản lý công/ Quản trị học

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và tương quan giữa quản lý và lãnh đạo, nhưng yêu cầu để trở thành người lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức; vai trò trách nhiệm, quyền lực và quyền hạn của người lãnh đạo. Vận dụng linh hoạt nghệ thuật lãnh đạo để điều hành nhóm trong học tập hiện tại và điều hành cơ quan tổ chức trong tương lai.

59) Môn học : KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong môn : Kinh tế học vi mô

Nội dung: Trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, khoa học kinh tế và quản trị. Có khả năng ứng dụng tổng quát các kiến thức cơ bản về quản lý công nghiệp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực liên quan đến quản lý công nghiệp, quản trị kinh doanh. Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp. Có khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề về sản xuất kinh doanh



60) Môn học : LUẬT LAO ĐỘNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong môn Luật doanh nghiệp

Nội dung: Giúp sinh viên nắm bắt được những quy định cụ thể của pháp luật lao động Việt Nam. Nội dung học phần hai bao gồm những vấn đề sau:

- Hợp đồng lao động (giao kết hợp đồng; loại hợp đồng; thử việc; tạm đình chỉ công việc; thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng; trợ cấp thôi việc...)
- Tiền lương (hình thức trả lương; thang, bảng lương; nâng lương; tiền thưởng...)
- Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất (Nội quy lao động; cơ sở áp dụng; hình thức, thời hiệu, thủ tục xét kỷ luật; mức và cách thức bồi thường thiệt hại vật chất...)
- Bảo hiểm xã hội (các chế độ BHXH hiện hành: trợ cấp ốm đau; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thai sản; hưu trí; tử tuất)
- Tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động (Thẩm quyền, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, tập thể; đình công và giải quyết đình công).

61) Môn học : BẢO HIỂM XÃ HỘI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học xong môn Kinh tế lao động

Nội dung:

Phần 1: Bảo hiểm xã hội về cách tiếp cận vấn đề; những lý luận cơ bản, tính chất, chức năng, đối tượng của BHXH; phân biệt BHXH và bảo hiểm thương mại; các chế độ BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện; quỹ tài chính BHXH.

Phần 2: Các vấn đề về an sinh xã hội.

62) Môn học: KINH TẾ SỨC KHOẺ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết : Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Mô tả: Môn học trang bị cho người học những kiến thức về lĩnh vực y tế công cộng, sử dụng học thuyết kinh tế nhằm nâng cao năng lực công tác, sử dụng hiệu quả nguồn lực của ngành trong công việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, đảm bảo sự công bằng và phát triển xã hội

63) Môn học: TRUYỀN THÔNG VÀ XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Hoàn tất toàn bộ các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành

Nội dung:



Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản lý khủng hoảng, bao gồm các loại khủng hoảng, nguyên nhân khủng hoảng, cách phòng tránh và lập kế hoạch truyền thông để xử lý khi khủng hoảng xảy ra. Trên cơ sở nắm bắt lý thuyết, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp để lên kế hoạch xử lý khủng hoảng, giúp sinh viên có khả năng phân tích và đề ra chiến lược thực hiện các bước xử lý khủng hoảng trong thực tế.

64) Môn học: QUẢN LÝ NHÂN SỰ TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Hoàn tất toàn bộ các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành

Nội dung: Môn học trang bị các kiến thức chuyên sâu về quản lý nhân sự nói chung và quản lý nhân sự khu vực công nói riêng trong bối cảnh chuyển đổi số. Môn học còn cung cấp các kỹ năng và tư duy cần thiết trong quản trị doanh nghiệp và nền kinh tế trong điều kiện mới hiện nay.

65) Môn học: KIẾN TẬP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: áp dụng cho sinh viên ở học kỳ V

Nội dung: Môn học trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; định hướng nhận thức về nghề nghiệp và lựa chọn lĩnh vực làm việc của sinh viên thông qua tương tác thực tế, quan sát, mô tả và thực hiện các nhiệm vụ cơ bản theo vị trí công việc tại các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.

66) Môn học : THỰC TẬP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành tối thiểu 110 tín chỉ, đã học môn Kiến tập

Nội dung: phát triển cho sinh viên những kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên thực hành các kiến thức, kỹ năng về ngành học thông qua môi trường thực tế ở các tổ chức, doanh nghiệp khu vực công và tư.

67) Môn học: KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: môn Thực tập

Nội dung: môn học vận dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực Kinh tế công và quản lý trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của thực tiễn nền kinh tế, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp khu vực công và tư.

13. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

13.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận
1	Huỳnh Ngọc	Chương	1990	Thạc sĩ, 2016	
2	Nguyễn Tiến	Dũng	1961	Tiến sĩ, 1994	Phó Giáo sư, 2012
3	Phạm Mỹ	Duyên	1980	Tiến sĩ, 2021	
4	Lê Huy	Đoàn	1975	Tiến sĩ, 2020	
5	Nguyễn Thị	Đông	1980	Tiến sĩ, 2020	
6	Nguyễn Chí	Hải	1962	Tiến sĩ, 1999	Phó Giáo sư, 2012
7	Huỳnh Hồng	Hiếu	1985	Thạc sĩ, 2009	
8	Trịnh Hoàng Hồng	Huệ	1983	Tiến sĩ, 2019	
9	Nguyễn Thị Thu	Hương	1980	Thạc sĩ, 2010	
10	Nguyễn Thanh	Huyền	1982	Thạc sĩ, 2011	
11	Trần Thị	Lộc	1988	Thạc sĩ, 2014	
12	Hà Thanh	Minh	1962	Thạc sĩ, 2004	
13	Lê Nhân	Mỹ	1987	Thạc sĩ, 2014	
14	Huỳnh Thị Ly	Na	1987	Thạc sĩ, 2014	
15	Nguyễn Hồng	Nga	1968	Tiến sĩ, 2000	Phó Giáo sư, 2014
16	Bùi Hồng	Ngọc	1992	Thạc sĩ, 2018	
17	Phùng Thế	Tám	1965	Tiến sĩ, 2017	
18	Đỗ Phú Trần	Tĩnh	1979	Tiến sĩ, 2010	Phó Giáo sư, 2014
19	Nguyễn Thị Thu	Trang	1983	Thạc sĩ, 2011	
20	Nguyễn Thanh	Trọng	1980	Tiến sĩ, 2016	
21	Nguyễn Anh	Tuấn	1984	Thạc sĩ, 2012	
22	Trần Lục Thanh	Tuyền	1985	Thạc sĩ, 2011	
23	Mai Lê Thúy	Vân	1982	Thạc sĩ, 2012	
24	Trần Quang	Văn	1978	Tiến sĩ, 2013	
25	Đinh Hoàng Tường	Vi	1984	Thạc sĩ, 2012	

13.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
2	Trần Hùng Sơn	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Nguyên lý thị trường tài chính
3	Nguyễn Đình Ưông	Thạc sĩ	Toán	Thống kê ứng dụng
4	Lê Thanh Hoa	Thạc sĩ	Toán	Kinh tế lượng
5	Ngô Thị Xuân Bình	Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Quan hệ công chúng
6	Phùng Thanh Bình	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Chiến lược kinh doanh
7	Nguyễn Thị Diễm Hiền	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tín dụng – Ngân hàng
8	Nguyễn Anh Phong	Tiến sĩ	Kinh tế học	Tài chính công
9	Nguyễn Thị Tuyết Như	Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh doanh bất động sản
10	Hoàng Thọ Phú	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing địa phương
11	Nguyễn Thị Thu Trang	Tiến sĩ	Luật	Luật kinh tế
12	Nguyễn Văn Nền	Tiến sĩ	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế học quốc tế
13	Nguyễn Khánh Trung	Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	Chiến lược kinh doanh
14	Phạm Quốc Thuần	Tiến sĩ	Kế toán - Kiểm toán	Nguyên lý kế toán
15	Nguyễn Thị Khoa	Tiến sĩ	Kế toán - Kiểm toán	Nguyên lý kế toán
16	Trần Thị Ý Nhi	Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Marketing căn bản
17	Giản Thị Lê Na	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
18	Nguyễn Minh Thoại	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
19	Nguyễn Hoàng Anh	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Nguyên lý thị trường tài chính
20	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ	KTKT	Nguyên lý kế toán
21	Lê Anh Vũ	PGS.TS	Toán KT	Toán cao cấp
22	Lê Hoàng Sử	Tiến sĩ	HTTF	Hệ thống thông tin kinh doanh

23	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Lý luận nhà nước và pháp luật
24	Trần Thị Ánh	Thạc sĩ	HTTT	Tin học ứng dụng

14. DANH SÁCH CỐ VẤN HỌC TẬP

STT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Nguyễn Chí Hải	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế học	Trưởng khoa
2	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên
3	Trần Thị Lộc	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên
4	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên
5	Đinh Hoàng Tường Vi	Thạc sĩ	Kinh tế học	Giảng viên
6	Nguyễn Thanh Huyền	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên
7	Huỳnh Ngọc Chương	Thạc sĩ	Chính sách công	Giảng viên

15. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

15.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Trung tâm mô phỏng thị trường tài chính	200	Bàn Ghế Bảng Led điện tử Máy chiếu Màn chiếu Máy tính Phần mềm dữ liệu tài chính		
2	Phòng Thực hành kinh doanh thông minh	100	Bàn Ghế Bục giảng Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Phần mềm nhân sự Bút lông		
3	Phòng thực hành luật	100	Bàn Ghế Bục xử Micro		
4	Phòng thực hành ngoại ngữ	200	Bàn Ghế Bục giảng Bảng mica Máy tính Máy chiếu Màn chiếu Micro Phần mềm ngoại ngữ Bút lông		
5	Phòng thực hành tin học	200	Bàn Ghế Bục giảng Bảng mica Máy tính Máy chiếu Màn chiếu		



			Micro Bút lông		
--	--	--	-------------------	--	--

15.2. Thư viện

Hệ thống thư viện phục vụ cho hoạt động đào tạo:

- Tổng diện tích thư viện: 940 m² trong đó diện tích phòng đọc: 466 m²
- Số chỗ ngồi: 550; số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 20
- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph
- Thư viện điện tử: bao gồm

(1) Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với:

04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam);

14 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, IEEE, MathSciNet, ScienceDirect, Springer, Taylor & Francis Online, OARE, AGORA, JL, MIT OCW, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, Wiley Online Library);

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

(2) Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: có thư viện điện tử, đã kết nối được với:

01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD);

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.

15.3. Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		(tiếng Việt và tiếng Anh nếu có)			
1	Triết học Mác-Lênin	Giáo trình triết học		Nxb Chính trị Quốc gia	2006

2	Kinh tế học vi mô 1	Principles of Microeconomics (eighth Edition)	Mankiw N.G.,	Cengage	2018
3	Lý luận nhà nước và pháp luật	Lý luận Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật.		Học viện chính trị quốc gia TP. HCM	2006
4	Toán cao cấp	Giáo trình Toán Cao Cấp.	Lê Anh Vũ	NXB TpHCM	2015
6	Nhập môn khoa học giao tiếp	Khoa học giao tiếp,	Nguyễn Ngọc Lâm,	NXB ĐH Mở Bán công TpHCM	1998
7	Luật doanh nghiệp	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	Đào Thị Thu Hằng	NXB Đại học quốc gia TP.HCM	2015
8	Kinh tế vĩ mô 1	Macroeconomics (seven edition)	Mankiw N.G.,	Worth Publisher	2010
9	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB ĐHKT TPHCM	2015
10	Quản trị học căn bản	Quản trị học	Phạm Thế Tri	Nxb ĐHQG HCM.	2007
11	Lý thuyết xác suất	Lý thuyết xác suất	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, Ngô Văn Thứ	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.	2012
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh		Nxb Chính trị quốc gia	2006
13	Địa chính trị thế giới	Systematic political geography	Harm J. de Blij,	John Wiley, Sons, Inc, New York-Lon don-Sydney,	1997

14	Quan hệ quốc tế	Bài giảng Nhập môn Quan hệ quốc tế,	Hoàng Khắc Nam,	Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV, Hà Nội	2006
15	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Nxb Giáo dục VN	2016
16	Xã hội học	Nhập môn Xã hội học	Trần Thị Kim Xuyên	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố HCM	2005
17	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Nxb Giáo dục VN	2016
18	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo (dự thảo)		2019
19	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	Lịch sử kinh tế	Chủ biên Nguyễn Ngọc Thanh	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội	2013
20	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Nhóm tác giả	Nxb ĐHQG	2015
21	Nguyên lý thị trường tài chính	Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Luân, Trần Viết Hoàng, Cung Trần Việt	NXB ĐHQG TP. HCM	2007
22	Thống kê ứng dụng	Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Lao Động. Hà Nội.	2010
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học		NXB Lao Động – Xã Hội	2010
24	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm.	Huỳnh Văn Sơn.	NXB Trẻ.	2011
25	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN		Nxb Chính trị Quốc gia	2006

26	Kinh tế học quốc tế	Giáo trình Kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chinh, Nguyễn Phú Tụ, Nguyễn Hữu Lộc	NXB Thống kê	2010
27	Hệ thống thông tin kinh doanh	Essentials of Business Processes and Information Systems	Simha R. Magal, Jeffrey Word	WILEY	2011
28	Kinh tế lượng	Bài giảng Kinh tế lượng	PGS.TS Nguyễn Quang Dong	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	
29	Kinh tế công 1	<i>Economics of the Public Sector (4th Edition)</i>	Joseph E. Stiglitz & Jay K. Rosengard	W. W. Norton & Company	
30	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý DN	Kinh tế học ứng dụng trong quản lý DN	Edwin Mansfield	NXB Thống Kê	2009
31	Phân tích lợi ích – chi phí	1/ Cost-Benefit Analysis and Public Policy	Weimer, L.	Wiley-Blackwell	2008
		2/ Benefit-Cost Analysis: Financial and Economic Appraisal Using Spreadsheets	Campell, H.; Brown, R.	Cambridge	2003
32	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS. TS Nguyễn Văn Trình (chủ biên)	ĐHQG TP.HCM	2012
33	Logic học	A Concise Introduction to Logic	Patrick J. Hurley	Wadsworth	2014
34	Kinh tế số	1.Digital Economics : How Information and Communication Technology is Shaping Markets,	<u>Richard McKenzie</u>	Praeger Publisher	2018

		Businesses, and Innovation.			
		2.The Digital Economy	Tim Jordan	Wiley	2020
35	Phân tích định lượng trong kinh tế	Microeconometrics Using Stata	Cameron A. C., Trivedi P.K.	Stata Press	2009
36	Kinh tế và quản lý công nghiệp	Kinh tế và quản lý công nghiệp	Nguyễn Đình Phan, Nguyễn Kế Tuấn	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2000
37	Kinh tế công 2	<i>Economics of the Public Sector (4th Edition)</i>	Joseph E. Stiglitz & Jay K. Rosengard	W. W. Norton & Company	2015
38	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	1/ Kinh tế nông nghiệp - Lý thuyết và thực tiễn.	1/ PGS. TS Đinh Phi Hồ	1/ Trường Đại học Kinh tế.	Thg 1-03
		2/ Những nguyên lý kinh tế học về nông nghiệp. (Principles of agriculture economics: Markets and prices in less developed countries)	2/ David Colman and Trevor Young	2/ Cambridge University Press.	2/ First published 1989, Reprinted 1997
39	Chính sách công	Public policy	michael e. kraft/scott r.furlong	Sage	2017
40	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học		Nxb Chính trị quốc gia	2006
41	Quan hệ công chúng	Giáo án Nhập môn quan hệ công chúng,	Hoàng Xuân Phương	Tài liệu lưu hành nội bộ.	2009
42	Kinh tế y tế	Kinh tế Y tế	Nguyễn Hữu Ngọc	NXB Thống kê	2015
43	Kinh tế y tế	The Economics of Health and Health care	Sherman Folland	Peason	2011

44	Kinh tế y tế	Giáo trình Kinh tế y tế	Đại học Y khoa Cần Thơ	Khoa Sức khỏe cộng đồng	2016
45	Marketing địa phương	Philip Kotler, Donald H. Haider, Irving Rein Marketing places: Attracting Investment, Industry, and Tourism to Cities, States, and Nations	Philip Kotler, Donald H. Haider, Irving Rein	The Free Press,	1993.
46	Phân tích chính sách	Policy Analysis (sixth edition)	David Weimer (Author), Aida Vining (Editor)	Routledge;	2017
47	Nghịệp vụ hành chính văn phòng	1/ Nghịệp vụ hành chính văn phòng	ThS. Trần Thị Thu Hương	NXB. Tổng hợp Tp.HCM	2008
		2/ Nghịệp vụ thư ký văn phòng	TS. Vũ Thị Phụng	NXB. ĐHQG HN	2006
48	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Lập và Thẩm định dự án đầu tư	Đỗ Phú Trần Tình (Chủ biên)	Tài chính	2019
49	Luật lao động	Bộ Luật lao động		Nhà xuất bản Lao động	2013
50	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Nguyễn Thị Tuyết Như	ĐHQG TPHCM	2018
51	Truyền thông và xử lý khủng hoảng	1) Crisis Communication: Managing Stakeholder Relationships	1) Audra Diers-Lawson	1) Routledge Taylor & Francis groups	1) 2019
		2) Applied Crisis Communication and Crisis Management: Cases and Exercises	2) W. Timothy Coombs	2) SAGE Publications, Inc	2) 2013

52	Quản lý công	Quản lý công	Bùi Huy Khiên	Chính trị quốc gia	2013
53	Quản lý công	Quản lý khu vực công	Vũ Huy Từ	Khoa học và kỹ thuật	1998
54	Kinh tế đô thị	Kinh tế đô thị	Nguyễn Đình Hương	Giáo dục	2002
55	Kinh tế đô thị	Urban Economics (ninth edition)	Arthur O'Sullivan	Mc Graw Hill	2019
56	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội	Nguyễn Văn Định	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2012
57	Luật lao động	Giáo trình Luật lao động	Đoàn Thị Phương Diệp	NXB Đại học quốc gia TP.HCM	2016
58	Kinh tế lao động	Labor Economics (Seventh Edition)	G.J. Borjas	McGraw-Hill Education	2015
59	Kinh tế y tế	Health Economics: an introduction for health professionals	Ceri J. Phillips	Blackwell Publishing	2005
60	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài	ĐH Kinh tế TP.HCM	2013
61	Kinh tế phát triển	Development Economics : Theory and Practice	A.D. Janvry E. Sadoulet	Routledge	2015
62	Kế toán hành chính sự nghiệp	Kế toán hành chính sự nghiệp	Võ Văn Nhị (Chủ biên)	NXB Kinh tế	2019
63	Kinh tế môi trường	Environmental Economics (8th Edition)	Barry Field, Martha K.Field	McGraw -Hill	2020
64	Nhập môn ngành Kinh tế và quản lý công	Understanding and Managing Public Organizations, 6th Edition	Hal G. Rainey, Sergio Fernandez, Deanna Malatesta	Wiley; 6th edition (June 22, 2021)	2021